

Số: 428 /QĐ - UBND

Tráng Việt, ngày 28 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách  
nhà nước xã Tráng Việt năm 2024**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TRÁNG VIỆT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT – BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 8288/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND huyện Mê Linh Về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của huyện Mê Linh;

Căn cứ Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND xã Tráng Việt về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 của xã Tráng Việt.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước xã Tráng Việt năm 2024 (có biểu kèm theo).

Thời gian công khai: 30 ngày, bắt đầu từ ngày 03/01/2024 đến ngày 02/02/2024.

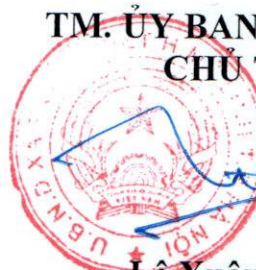
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng HĐND & UBND, bộ phận Tài chính – Kế toán, các tổ chức, đoàn thể và cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- TT ĐU, TT HĐND, TT UBND (để b/c);
- Đài TT xã (để t/h);
- Các thôn (để biết);
- Như Điều 3 (để biết);
- Lưu VP, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Xuân Thành**

## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Đính kèm Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND xã Tráng Việt)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>10.240.917</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>10.240.917</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	1.855.000	I. Chi đầu tư phát triển	-
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	398.000	II. Chi thường xuyên	10.002.767
III. Thu bổ sung	7.987.917	III. Dành nguồn CCTL	44.150
Bổ sung cân đối	7.684.417	IV. Dự phòng	194.000
Bổ sung mục tiêu	303.500		
IV. Thu chuyển nguồn			

## DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Đính kèm quyết định số 428 /QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND xã Tráng Việt)

Đvt: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024	
		THU NSNN	THU NSX
1	2	3	4
	<b>TỔNG THU</b>	<b>10.240.917</b>	<b>10.240.917</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>1.855.000</b>	<b>1.855.000</b>
	Phí, lệ phí	55.000	55.000
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	150.000	150.000
	Thu đền bù thiệt hại khi NN thu hồi đất	1.600.000	1.600.000
	Thu khác	50.000	50.000
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo TL phần trăm (%)</b>	<b>398.000</b>	<b>398.000</b>
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	170.600	170.600
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	27.400	27.400
	Lệ phí trước bạ nhà, đất	200.000	200.000
<b>III</b>	<b>Các khoản thu để lại quản lý qua ngân sách</b>		
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>		
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>	-	-
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>7.987.917</b>	<b>7.987.917</b>
	Thu bổ sung cân đối	7.684.417	7.684.417
	Thu bổ sung mục tiêu	303.500	303.500

## DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Đính kèm quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND xã Tráng Việt)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
1	2	4	5	6
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>10.240.917</b>	<b>1.600.000</b>	<b>8.640.917</b>
	<i>Trong đó</i>			
1	Chi QP, an ninh	663.068		663.068
2	Chi y tế, dân số	102.032		102.032
3	Chi văn hóa, thông tin	82.800	-	82.800
4	Chi phát thanh, truyền thanh	118.069	-	118.069
5	Chi thể dục thể thao	54.000	-	54.000
6	Chi bảo vệ môi trường	81.000	-	81.000
7	Chi các hoạt động kinh tế	398.680	-	398.680
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.987.860	-	5.987.860
9	Chi cho công tác xã hội	847.808	-	847.808
10	Chi khác	111.600	-	111.600
11	Dự phòng ngân sách	194.000	-	194.000



**KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2024**  
(Đính kèm quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND xã Trang Việt)

Đvt: nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023			DỰ TOÁN NĂM 2024		
		THU	CHI	CHÊNH LỆCH	THU	CHI	CHÊNH LỆCH
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>207.787</b>	<b>81.064</b>	<b>126.723</b>	<b>191.723</b>	<b>50.000</b>	<b>141.723</b>
1	Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	45.626	15.000	30.626	45.626	15.000	30.626
2	Quỹ Vì người nghèo	162.161	66.064	96.097	146.097	35.000	111.097

Số: **256**/TB - UBND

Tráng Việt, ngày **19** tháng **12** năm 2023

**THÔNG BÁO**  
**Về việc công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước  
xã Tráng Việt năm 2024**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT – BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 8288/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND huyện Mê Linh Về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của huyện Mê Linh;

Căn cứ Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND xã Tráng Việt về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 của xã Tráng Việt;

Căn cứ quyết định số **428**/QĐ-UBND ngày **18**/12/2023 của UBND xã Tráng Việt về việc công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 của xã Tráng Việt;

Hiện nay, UBND xã Tráng Việt thực hiện công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước xã Tráng Việt năm 2024.

Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở UBND xã.

Thời gian công khai: 30 ngày, bắt đầu từ ngày 03/01/2024, kết thúc vào ngày 02/02/2024. Vậy UBND xã thông báo cho các ban, ngành, đoàn thể và nhân dân được biết./.

**Nơi nhận:**

- TT ĐU, TT HĐND, UBND (để bc);
- Đài truyền thanh (để phát thanh);
- Lưu VP, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**  
  
**Lê Xuân Thành**

UỶ BAN NHÂN DÂN  
XÃ TRÁNG VIỆT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tráng Việt, ngày 20 tháng 12 năm 2023

**THUYẾT MINH**  
**PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ CƠ CHẾ ĐIỀU HÀNH DỰ TOÁN**  
**THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC XÃ TRÁNG VIỆT NĂM 2024**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã Tráng Việt.

**A. CƠ SỞ LẬP DỰ TOÁN:**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024-2026;

Căn cứ các nghị quyết của HĐND thành phố Hà Nội: số 21/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 22/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách, định mức phân bổ ngân sách thành phố Hà Nội và tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2023-2025; số 20/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số định mức phân bổ chi khác ngân sách quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể của thành phố Hà Nội quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 05/7/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND huyện Mê Linh: số 18/NQ - HĐND ngày 19/12/2023 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 của huyện Mê Linh; số 19/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ

dự toán thu, chi ngân sách nhà nước huyện Mê Linh năm 2024; số 26/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 8288/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND huyện Mê Linh về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của huyện Mê Linh;

Căn cứ các chỉ tiêu giao dự toán thu năm 2024 trên địa bàn xã Tráng Việt do ngành thuế quản lý và số thu ngân sách đạt được năm 2023 của xã;

## **B. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ ĐIỀU HÀNH NGÂN SÁCH:**

### **\* Tình hình chung:**

Tại Quyết định số 8288/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND huyện Mê Linh về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của huyện Mê Linh. UBND huyện giao cho xã cân đối thu, chi trên địa bàn là **10.240.917.000 đồng**, bằng 121,9 % so với dự toán năm 2023;

#### **1. Thu ngân sách xã: (Chi tiết theo biểu đính kèm).**

Thu Ngân sách nhà nước trên địa bàn xã theo chỉ tiêu pháp lệnh: **10.240.917.000 đồng**;

Tổng thu Ngân sách xã được hưởng theo chỉ tiêu pháp lệnh là **10.240.917.000 đồng**, trong đó: thu điều tiết các khoản thu trên địa bàn là 2.253.000.000 đồng; Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên là 7.987.917.000 đồng (gồm: Thu bổ sung cân đối: 7.684.417.000 đồng; thu bổ sung có mục tiêu 303.500.000 đồng);

#### **2. Chi ngân sách: (Chi tiết theo biểu đính kèm).**

Tổng chi ngân sách xã là **10.240.917.000 đồng**, trong đó: 10% tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương là 439.000.000 đồng. Ngoài ra, nguồn kinh phí hoạt động của Đảng ủy xã được chi từ nguồn thu đảng phí được trích lại để chi theo quy định là 54.000.000 đồng;

##### **2.1. Chi thường xuyên:**

##### **Nguyên tắc phân bổ và điều hành ngân sách:**

##### **(1) Định mức khoán chi ngân sách xã (để thực hiện chế độ tự chủ).**

a) *Đối tượng áp dụng:* Bao gồm cán bộ, công chức và những người hoạt động chuyên trách thị trấn thuộc:

+ Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND xã; Các bộ phận chuyên môn thuộc UBND xã: Văn phòng - thống kê; Địa chính - xây dựng; Tài chính - kế toán; Tư pháp - hộ tịch; Văn hóa - xã hội; Ban chỉ huy quân sự;

+ Đảng ủy xã; Ủy ban mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội: Đoàn Thanh niên Công sản Hồ Chí Minh; Hội Liên hiệp phụ nữ; Hội nông dân; Hội Cựu chiến binh;



*b) Nội dung định mức khoán chi ngân sách xã:*

Kinh phí quản lý hành chính thực hiện chế độ tự chủ được xác định và giao dự toán (theo định mức khoán chi), bao gồm:

**\* Giao quỹ tiền lương theo biên chế: 3.367.000.000 đồng.**

- Thực hiện giao quỹ tiền lương theo số lượng biên chế được cấp có thẩm quyền giao là cán bộ, công chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn. Về chi tiêu biên chế để xác định giao quỹ tiền lương cụ thể như sau:

- Cán bộ, công chức xã: Số lượng cán bộ, công chức được giao tại Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 07/9/2020 của UBND thành phố Hà Nội, cụ thể: xã loại 1 tối đa 22 người; Cán bộ, công chức xã được hưởng chế độ tiền lương, phụ cấp chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tính theo mức lương cơ sở 1.490 nghìn đồng/người/tháng và Chi bổ sung CCTL do tăng lương cơ bản từ 1.490 nghìn đồng lên 1.800 nghìn đồng;

- Người hoạt động không chuyên trách cấp xã: Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có 10 chức danh theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND Thành phố, cụ thể: xã loại 1 tối đa không quá 14 người;

- Người hoạt động không chuyên trách thôn: Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn có 03 chức danh (Bí thư, Trưởng thôn, Trưởng ban công tác thôn) được giao tại Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND Thành phố;

**\* Định mức khoán chi hoạt động theo biên chế được duyệt: 1.826.000.000 đồng.**

Tiêu thức để xác định mức khoán chi hoạt động thường xuyên (ngoài quỹ lương) theo biên chế được duyệt, gồm:

+ Cán bộ, công chức xã (loại 1 tối đa 22 biên chế); Định mức khoán chi hoạt động: là 69,00 triệu đồng/biên chế/năm;

+ Người hoạt động không chuyên trách ở xã (loại 1 tối đa 14 biên chế); định mức khoán chi là 22,00 triệu đồng/biên chế/năm;

- Nội dung chi hoạt động thường xuyên trong định mức, gồm: Dịch vụ công (điện, nước, vệ sinh, thuê mướn lao động, tạp vụ...); Vật tư văn phòng (Văn phòng phẩm, mua sắm dụng cụ, công cụ văn phòng, văn phòng phẩm khác); Thông tin, tuyên truyền, liên lạc (điện thoại, cước bưu chính, internet, sách, báo, tạp chí, tủ sách pháp luật); Hội nghị, tiếp khách; Công tác phí trong nước; Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng tài sản phục vụ chuyên môn; Chính lý tài liệu lưu trữ; Mua sắm trang thiết bị văn phòng phục vụ hoạt động thường xuyên cho các chức danh, phòng làm việc của chức danh cán bộ, công chức theo định mức quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Chi nhiệm vụ chuyên môn: Hàng hóa, vật tư, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng; In ấn phô tô tài liệu, hồ sơ; Sách tài liệu chế độ dùng chuyên môn; xây dựng, áp dụng, duy trì và

cải tiến hệ thống quản lý chất lượng; bồi dưỡng đối với cán bộ công chức, viên chức làm công tác tiếp dân, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo; bồi dưỡng, cấp trang phục đối với trưởng bộ phận, công chức, lao động hợp đồng làm việc tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; Xây dựng đề án, chương trình và các khoản chi hành chính khác phục vụ hoạt động thường xuyên của bộ máy chính quyền xã, thị trấn;

Tuy nhiên, trong năm UBND xã phải điều hành những công việc chung tại xã. Do vậy, sau khi dành nguồn kinh phí điều hành tập trung tại xã, số kinh phí tự chủ còn lại được phân bổ như sau:

*Cán bộ, công chức được giao chi hoạt động theo mức là 40.000.000 đồng/biên chế/năm;*

*Cán bộ không chuyên trách giao chi hoạt động mức 14.000.000 đồng/biên chế/năm;*

**(2) Định mức chi thường xuyên khác ngân sách xã (tính theo dân số) với tổng số tiền là 2.906.267.000 đồng** (trong đó: dân số là ... dân, với nguồn kinh phí là 2.960.267.000 đồng); trừ đi 54.000.000 đồng nguồn Đảng phí được giữ lại để chi theo quy định; số kinh phí còn lại được chi trong năm 2024 là 2.906.267.000 đồng;

- Định mức chi thường xuyên khác ngân sách cấp xã được tính giảm dần theo 07 bậc dân số, cụ thể như sau:

Từ 5.000 người dân trở xuống: định mức 300.000 đồng/người dân;

Từ người dân thứ 5.001 đến 10.000: định mức 210.000đồng/người dân;

Từ người dân thứ 10.001 đến 15.000: định mức 170.000đồng/người dân;

Từ người dân thứ 15.001 đến 20.000: định mức 100.000đồng/người dân;

Từ người dân thứ 20.001 đến 25.000: định mức 90.000đồng/người dân;

Từ người dân thứ 25.001 đến 30.000: định mức 70.000đồng/người dân;

Từ người dân thứ 30.001 trở lên: định mức 50.000đồng/người dân;

- Định mức chi thường xuyên khác ngân sách cấp xã đảm bảo kinh phí chi các nội dung sau: Hỗ trợ các Hội đặc thù theo quy định của UBND Thành phố; hoạt động Ban thanh tra nhân dân, giám sát cộng đồng; chi công tác dân quân, tự vệ và bảo đảm trật an toàn xã hội trên địa bàn xã (theo phân cấp của thành phố); kinh phí thực hiện Luật dân quân tự vệ năm 2020, Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2016 của Chính phủ, Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã theo phân cấp và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 Quy định một số điều và biện pháp thi hành, Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an, các Nghị quyết của HĐND Thành phố về chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân tự vệ, dân phòng,...; Hỗ trợ hoạt động thôn, tổ dân phố về xây dựng khu dân cư, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, công tác hòa giải ở cơ

sở; chi hoạt động thường xuyên của các Đảng ủy xã; tổ chức trao tặng huy hiệu Đảng; kinh phí hoạt động của HĐND cấp xã; kinh phí khoán chi hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội tại xã; hỗ trợ hoạt động Tổ dân vận xã, thị trấn; hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng; hoạt động Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của xã; kinh phí đặt báo cho cơ sở thôn; kinh phí chi hỗ trợ cho hoạt động tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai, phòng cháy chữa cháy và chi các hoạt động sự nghiệp khác theo phân cấp nhiệm vụ chi của xã;

+ Định mức chi thường xuyên khác ngân sách cấp xã không bao gồm quỹ tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản đóng góp đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn; trợ cấp cán bộ xã già yếu nghỉ việc; chi thù lao Chủ tịch Hội đặc thù ở xã;

\* **Bổ sung có mục tiêu:** Tổng kinh phí hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách cấp trên là **303.500.000 đồng**, trong đó:

- Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 01/6/2023 của Chính phủ: *Kinh phí khoán hoạt động chi theo mức lương 1.800 nghìn đồng đối với các Tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã: 120.000.000 đồng (kinh phí khoán là 24.000.000 đồng/đoàn thể);*

- Kinh phí nâng mức hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với Hội NCT, Hội CTĐ xã: 40.000.000 đồng (*hỗ trợ 20.000.000 đồng/Hội*);

- Hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với tổ dân vận thôn: 13.500.000 đồng;

- Hỗ trợ Đại hội Ủy ban MTTQ Việt Nam xã Tráng Việt: 100.000.000 đồng;

- Hỗ trợ Đại hội LHTN Việt Nam xã Tráng Việt: 30.000.000 đồng;

**2.2. Chi đầu tư XDCB từ nguồn ngân sách xã: 1.600.000.000 đồng;**

**2.3. Chi dự phòng ngân sách:** Tổng dự toán chi **194.000.000 đồng**. Được sử dụng để chi các nhiệm vụ bất thường trong năm như: Chi khắc phục thiên tai, dịch họa, hoả hoạn, tăng cường công tác an ninh, trật tự an toàn xã hội, công tác quốc phòng. Trước khi sử dụng, UBND xã trình TT HĐND xã xem xét, phê duyệt.

Trên đây là thuyết minh phương án phân bổ và điều hành dự toán thu, chi NSNN xã năm 2024, UBND xã báo cáo xin ý kiến HĐND xã Tráng Việt;

**Nơi nhận:**

- HĐND xã (để b/cáo);
- TT. Đảng ủy xã (để b/cáo);
- Ban chấp hành Đảng bộ xã (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Ban KT - XH HĐND xã;
- Các bộ phận chuyên môn thuộc xã (để t/hiện);
- Lưu VP, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Xuân Thành**

